

CHI TIẾT CỦA BỘ ĐỀ THI

Tên Bộ Đề Thi: qn

Môn học : GIAO DUC PHAP LUAT_TC4N 2010

Thời gian thi : 60

Giáo viên soạn đề : (đã duyệt và ký tên)

Số câu hỏi : 100

Ngày soạn đề : 13/09/2012 (NVKT: admin)

Câu 1: Nhà nước nào cũng có chức năng:

- A. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.
- B. Thiết lập mối quan hệ ngoại giao.
-  C. Đối nội và đối ngoại.
- D. Quy định về quyền và nghĩa vụ của công dân.

Câu 2: Trong bộ máy nhà nước Việt Nam thì Ủy ban nhân dân các cấp là :

- A. Cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương
- B. Cơ quan đại diện cho ý chí của nhân dân ở địa phương
-  C. Cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương
- D. Cả a,b,c đều đúng

Câu 3: Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa có chủ quyền quốc gia khi nào?

- A. Năm 1930
-  B. Năm 1945
- C. Năm 1954
- D. Năm 1975

Câu 4: Trong bộ máy nhà nước Việt Nam thì Quốc hội là:

- A. Cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất
- B. Cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân
- C. Cơ quan có quyền lập hiến, lập pháp
-  D. Cả a,b,c đều đúng

Câu 5: Trong bộ máy nhà nước Việt Nam thì Chính phủ là:

- A. Cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất
- B. Cơ quan giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước khác
-  C. Cơ quan hành chính nhà nước cao nhất
- D. Cả a,b,c đều đúng

Câu 6: Trong bộ máy nhà nước Việt Nam thì Hội đồng nhân dân các cấp là:

- A. Cơ quan quyền lực nhà nước ở trung ương
- B. Cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương
-  C. Cơ quan đại diện cho nhân dân ở địa phương
- D. Cơ quan chấp hành của Chính phủ

Câu 7: Chủ tịch nước Việt Nam hiện nay là người đứng đầu:

- A. Chính phủ
-  B. Nhà nước
- C. Quốc hội
- D. Cả a,b,c đều đúng

Câu 8: Bộ Công thương là cơ quan thuộc:

- A. Quốc hội
-  B. Chính phủ
- C. Ủy ban Thường vụ Quốc hội
- D. Đảng Cộng sản

Câu 9: Hội đồng nhân dân các cấp là:

- A. Cơ quan hành chính nhà nước ở trung ương
- B. Cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương
-  C. Cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương
- D. Cơ quan quyền lực nhà nước ở trung ương

Câu 10: Chọn đáp án đúng cho chỗ trống trong câu: “Chủ tịch nước là người đứng đầu nhà nước, thay mặt nước CHXHCN Việt Nam về:...”:

- A. Quản lý mọi hoạt động của đất nước
-  B. Đối nội và đối ngoại
- C. Quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước
- D. Cả a,b,c đều sai

Câu 11: Nhà nước có những biện pháp nào nhằm tuyên truyền, phổ biến pháp luật?

- A. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.
- B. Đưa kiến thức pháp luật vào chương trình giảng dạy trong trường học
- C. Đưa các văn bản pháp luật lên mạng Internet để tạo điều kiện cho mọi người cùng tìm hiểu.
-  D. Cả a,b,c đều đúng

Câu 12: Nhà nước ban hành ra Pháp luật nhằm:

-  A. Sử dụng pháp luật để quản lý mọi mặt đời sống xã hội
- B. Sử dụng pháp luật để điều chỉnh tất cả hành vi xử sự của con người
- C. Sử dụng pháp luật để cưỡng chế đối với mọi người trong xã hội
- D. Cả a,b,c đều đúng.

Câu 13: Pháp luật có sức mạnh cưỡng chế là do:

- A. Nhà nước có những biện pháp tuyên truyền, phổ biến pháp luật
- B. Nhà nước nhà tù để giam cầm những chủ thể vi phạm pháp luật
- C. Nhà nước có cơ quan Tòa án để cưỡng chế đối với những chủ thể vi phạm pháp luật
-  D. Nhà nước dùng quyền lực của mình để bảo đảm cho pháp luật được tôn trọng và thực hiện

Câu 14: Pháp luật là:

- A. Những cách xử sự chung cho mọi người trong xã hội
- B. Những quy định mang tính cưỡng chế, được quy định trong Luật hình sự
- C. Những quy định trong các văn bản do các cơ quan, đơn vị tổ chức ban hành
-  D. Những quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận, được nhà nước bảo đảm thực hiện

Câu 15: Pháp luật có thuộc tính cơ bản là:

- A. Tính cưỡng chế
- B. Tính xác định chặt chẽ về hình thức
- C. Tính quy phạm và phổ biến
-  D. Cả a,b,c đều đúng

Câu 16: Tính cưỡng chế của pháp luật được thể hiện:

- A. Những hành vi vi phạm pháp luật đều bị xử phạt hành chính
- B. Những hành vi vi phạm pháp luật đều bị áp dụng hình phạt
- C. Những hành vi vi phạm pháp luật đều bị xử lý kỷ luật
-  D. Những hành vi vi phạm pháp luật đều có thể bị áp dụng biện pháp chế tài

Câu 17: Vai trò của pháp luật được thể hiện:

- A. Pháp luật là phương tiện chủ yếu để nhà nước quản lý xã hội và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của công dân
- B. Pháp luật là cơ sở hoàn thiện bộ máy nhà nước
- C. Pháp luật là cơ sở tạo lập mối quan hệ đối ngoại
-  D. Cả a,b,c đều đúng

Câu 18: Đáp án nào sau đây thể hiện vai trò của pháp luật ?

- A. Là phương tiện để nhân dân phục vụ lợi ích cho riêng mình
-  B. Là phương tiện để Nhà nước quản lý mọi mặt đời sống xã hội
- C. Là công cụ để Nhà nước cưỡng chế đối với mọi người trong xã hội
- D. Cả a,b,c đều đúng

Câu 19: : Pháp luật là phương tiện để :

- A. Bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân
- B. Nhà nước sử dụng làm công cụ chủ yếu quản lý mọi mặt đời sống xã hội
- C. Hoàn thiện bộ máy nhà nước và tạo lập mối quan hệ ngoại giao
-  D. Cả a,b,c đều đúng

Câu 20: Văn bản quy phạm pháp luật có mấy loại:

- A. 3 loại là: Hiến pháp; Đạo luật, bộ luật; văn bản dưới luật
-  B. 2 loại là: Văn bản luật; văn bản dưới luật
- C. 2 loại là: Văn bản luật; văn bản áp dụng pháp luật
- D. 1 loại là: bao gồm tất cả các văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành

Câu 21: Văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý cao nhất là:

- A. Luật hình sự
- B. Luật dân sự
-  C. Hiến pháp
- D. Luật lao động

Câu 22: Luật giáo dục do cơ quan nào sau đây ban hành?

- A. Bộ Giáo dục và Đào tạo
- B. Ủy ban thường vụ Quốc hội
- C. Chính phủ
-  D. Quốc hội

Câu 23: Quốc hội ban hành văn bản quy phạm pháp luật nào sau đây:

-  A. Hiến pháp, bộ luật, đạo luật, nghị quyết
- B. Hiến pháp, nghị định, nghị quyết
- C. Hiến pháp, lệnh, chỉ thị,
- D. Hiến pháp, Quyết định, thông tư

Câu 24: Dấu hiệu của vi phạm pháp luật là:

- A. Hành vi xác định của con người
- B. Hành vi trái pháp luật, có lỗi của chủ thể thực hiện hành vi đó
- C. Chủ thể thực hiện hành vi trái pháp luật có năng lực trách nhiệm pháp lý
-  D. Cả a,b,c đều đúng

Câu 25: Thông thường vi phạm pháp luật được phân thành các loại:

- A. Tội phạm và vi phạm pháp luật khác
-  B. Vi phạm pháp luật hình sự; vi phạm pháp luật dân sự; vi phạm pháp luật hành chính và vi phạm kỷ luật
- C. Tùy theo mức độ nguy hiểm của hành vi
- D. Vi phạm luật tài chính, vi phạm luật đất đai, vi phạm lao động, vi phạm hôn nhân

Câu 26: Hành vi nào sau đây là vi phạm pháp luật?

-  A. Vi phạm nội quy – quy chế trường học
- B. Vi phạm điều lệ Đảng
- C. Vi phạm điều lệ Đoàn thanh niên cộng sản
- D. Vi phạm tín điều tôn giáo

Câu 27: Hành vi nào sau đây là vi phạm pháp luật hành chính?

- A. Vượt đèn đỏ gây tai nạn nghiêm trọng
- B. Lừa đảo chiếm đoạt tài sản
-  C. Đi vào đường cấm, đường ngược chiều
- D. Sử dụng tài liệu khi làm bài thi

Câu 28: Hành vi nào sau đây là vi phạm pháp luật hình sự?

- A. Gây mất trật tự nơi công cộng
- B. Bàn hàng lấn chiếm lòng, lề đường
-  C. Chống người thi hành công vụ
- D. Không đội mũ bảo hiểm khi điều khiển xe gắn máy

Câu 29: Vi phạm pháp luật có mấy dấu hiệu:

- A. 3
-  B. 4
- C. 5
- D. 6

Câu 30: Hành vi nào sau đây là vi phạm pháp luật dân sự?

- A. Xây dựng nhà trái phép
- B. Cướp giật tài sản
- C. Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản
-  D. Sử dụng tác phẩm âm nhạc không xin phép tác giả

Câu 31: Hành vi nào sau đây là vi phạm kỷ luật?

- A. Vi phạm điều lệ đoàn thanh niên cộng sản
- B. Sử dụng trái phép chất ma túy
-  C. Gây mất trật tự trong phòng thi
- D. Gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản của nhà trường

Câu 32: Vi phạm nào sau đây thể hiện tính chất nguy hiểm nhất cho xã hội :

- A. Vi phạm hành chính
- B. Vi phạm dân sự
-  C. Vi phạm hình sự
- D. Vi phạm kỷ luật

Câu 33: Hình thức xử lý buộc thôi việc thuộc loại vi phạm nào sau đây:

- A. Vi phạm hình sự
- B. Vi phạm hành chính
-  C. Vi phạm kỷ luật
- D. Vi phạm dân sự

Câu 34: Trách nhiệm pháp lý là:

- A. Trách nhiệm của các chủ thể vi phạm pháp luật đối với nhà nước
- B. Trách nhiệm của các chủ thể vi phạm pháp luật đối với chủ thể bị hành vi vi phạm pháp luật xâm hại
- C. Việc nhà nước áp dụng biện pháp cưỡng chế đối với chủ thể vi phạm pháp luật
-  D. Những hậu quả pháp lý bất lợi mà nhà nước áp dụng đối với chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật

Câu 35: Mục đích của việc truy cứu trách nhiệm pháp lý là nhằm:

- A. Trừng phạt chủ thể đã có hành vi vi phạm pháp luật
- B. Cải tạo, giáo dục chủ thể đã có hành vi vi phạm pháp luật
- C. Phòng ngừa, nâng cao ý thức pháp luật đối với mọi người
-  D. Trừng phạt, cải tạo, giáo dục chủ thể vi phạm pháp luật và phòng ngừa, nâng cao ý thức pháp luật cho mọi người

Câu 36: Thông thường trách nhiệm pháp lý được phân thành các loại:

- A. Trách nhiệm pháp lý hình sự và trách nhiệm pháp lý dân sự
-  B. Trách nhiệm pháp lý hình sự; trách nhiệm pháp lý hành chính; trách nhiệm pháp lý dân sự và trách nhiệm kỷ luật
- C. Trách nhiệm pháp lý hình sự và trách nhiệm pháp lý hành chính
- D. Không thể xác định chính xác

Câu 37: Cơ quan có thẩm quyền áp dụng trách nhiệm pháp lý hình sự là :

-  A. Cơ quan Tòa án
- B. Cơ quan Viện Kiểm sát
- C. Cơ quan Công An
- D. Cơ quan Thi hành án

Câu 38: Cơ quan có thẩm quyền áp dụng trách nhiệm pháp lý dân sự là :

- A. Cơ quan thi hành án
-  B. Cơ quan Tòa án
- C. Cơ quan Viện kiểm sát
- D. Cơ quan Công An

Câu 39: : Biện pháp đình chỉ thi thuộc loại trách nhiệm pháp lý nào sau đây :

- A. Trách nhiệm pháp lý hình sự
- B. Trách nhiệm pháp lý dân sự
-  C. Trách nhiệm kỷ luật
- D. Trách nhiệm pháp lý hành chính

Câu 40: Học sinh. Sinh viên vi phạm vào nội quy, quy chế của trường học có phải là vi phạm pháp luật không ?

-  A. Phải
- B. Không phải
- C. Tùy vào từng trường hợp vi phạm cụ thể để xem xét có phải hay không
- D. Có thể là vi phạm pháp luật, có thể không phải

Câu 41: Luật Hiến pháp là:

-  A. Ngành luật độc lập, cơ bản, chủ đạo trong hệ thống pháp luật Việt nam
- B. Văn bản pháp luật có giá trị pháp lý cao nhất trong hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam
- C. Ngành luật quy định về tất cả các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân
- D. Cả a,b,c đều đúng

Câu 42: Nhà nước ta đã có những bản Hiến pháp nào?

- A. Hiến pháp 1945, Hiến pháp 1956, Hiến pháp 1980, Hiến pháp 1992
- B. Hiến pháp 1945, Hiến pháp 1980, Hiến pháp 1992, Hiến pháp 2001
-  C. Hiến pháp 1946, Hiến pháp 1959, Hiến pháp 1980, Hiến pháp 1992
- D. Hiến pháp 1946, Hiến pháp 1959, Hiến pháp 1980, Hiến pháp 2001

Câu 43: Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật nào sau đây:

- A. Luật Dân sự
-  B. Hiến pháp
- C. Luật Hành chính
- D. Luật Lao động

Câu 44: Khi nghiên cứu về Hiến pháp thì khẳng định nào sau đây là sai:

- A. Hiến pháp là đạo luật có giá trị pháp lý cao nhất
- B. Hiến pháp là đạo luật quy định những vấn đề cơ bản nhất, quan trọng nhất của một quốc gia
- C. Hiến pháp là đạo luật do Quốc hội – cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất ban hành
-  D. Hiến pháp là đạo luật điều chỉnh tất cả các quan hệ trong xã hội

Câu 45: Hiến pháp đang có hiệu lực thi hành ở Việt Nam hiện nay được ban hành năm nào?

- A. Năm 1980
- B. Năm 1959
-  C. Năm 1992
- D. Năm 2001

Câu 46: Điều 54 Hiến pháp Nhà nước ta quy định độ tuổi để ứng cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân là:

- A. Đủ 18 tuổi trở lên
- B. Đủ 19 tuổi trở lên
- C. Đủ 20 tuổi trở lên
-  D. Đủ 21 tuổi trở lên

Câu 47: Điều 54 Hiến pháp Nhà nước ta quy định độ tuổi để bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân là:

-  A. Đủ 18 tuổi trở lên
- B. Đủ 19 tuổi trở lên
- C. Đủ 20 tuổi trở lên
- D. Đủ 21 tuổi trở lên

Câu 48: Hiến pháp quy định công dân đủ hai mươi mốt tuổi trở lên có quyền ứng cử vào cơ quan nào sau đây:

- A. Quốc hội
- B. Ủy ban nhân dân
- C. Hội đồng nhân dân
-  D. Cả a,c đều đúng

Câu 49: : Theo quy định của Hiến pháp nước ta thì khẳng định nào sau đây là sai?

- A. Quốc kỳ nước CHXHCNVN hình chữ nhật, chiều rộng bằng hai phần ba chiều dài, nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh
-  B. Quốc huy nước CHXHCNVN hình tròn, nền đỏ, ở giữa có hình búa liềm
- C. Quốc ca nước CHXHCNVN là nhạc và lời của bài “Tiến quân ca”
- D. Thủ đô nước CHXHCNVN là Hà nội

Câu 50: Chế định nào sau đây được quy định trong Luật dân sự :

- A. Chế định quyền sở hữu
- B. Chế định hợp đồng dân sự
- C. Chế định quyền thừa kế
-  D. Cả a,b,c đều đúng

Câu 51: Nội dung của quyền sở hữu bao gồm:

- A. Quyền chiếm hữu
- B. Quyền sử dụng
- C. Quyền định đoạt
-  D. Cả a,b,c đều đúng

Câu 52: Nguyên tắc giao kết hợp đồng dân sự là:

- A. Tự do giao kết hợp đồng
-  B. Tự nguyện, bình đẳng, không trái đạo đức xã hội
- C. Không vi phạm phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc
- D. Cả a,b,c đều đúng

Câu 53: Quyền chiếm hữu là quyền của chủ sở hữu trong việc:

- A. Mua bán, chuyển nhượng tài sản
- B. Để lại thừa kế cho người khác
- C. Khai thác công dụng của tài sản
-  D. Kiểm soát, làm chủ và chi phối tài sản theo ý chí của mình

Câu 54: Các hình thức giao kết hợp đồng dân sự là:

- A. Hình thức miệng
- B. Hình thức văn bản
- C. Hình thức văn bản có chứng thực
-  D. Cả a,b,c đều đúng

Câu 55: Hợp đồng dân sự được quy định trong văn bản nào:

- A. Luật tố tụng dân sự
- B. Luật doanh nghiệp
-  C. Luật dân sự
- D. Luật lao động

Câu 56: Theo quy định tại chương VII luật dân sự 2005 thì trường hợp nào sau đây là chiếm hữu có căn cứ pháp luật:

- A. Người phát hiện và giữ gia súc, gia cầm (có biết là của nhà hàng xóm) đi lạc vào nhà mình
- B. Anh M phát hiện một túi xách và biết rằng do chị N bỏ quên, thì anh M được quyền chiếm hữu luôn túi xách đó
-  C. Người được chuyển giao quyền chiếm hữu thông qua giao dịch hợp pháp
- D. Người chiếm hữu tài sản do người khác trộm cắp mà có được

Câu 57: Luật dân sự 2005 quy định có mấy hình thức thừa kế:

-  A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 58: Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005, hình thức di chúc gồm các loại:

- A. Di chúc bằng miệng trong trường hợp một người bị cái chết đe dọa
- B. Di chúc bằng văn bản có người làm chứng hoặc không có người làm chứng
- C. Di chúc bằng văn bản có công chứng hoặc có chứng thực
-  D. Cả a,b,c đều đúng

Câu 59: : Đối tượng được hưởng thừa kế theo di chúc bao gồm:

- A. Vợ, chồng, con, bố mẹ của người để lại di sản
- B. Những người có cùng dòng máu với người để lại di sản
-  C. Cá nhân, tổ chức được chỉ định trong di chúc
- D. Cả a,b,c đều đúng

Câu 60: Di chúc bằng văn bản gồm có:

- A. Di chúc bằng văn bản không có người làm chứng
- B. Di chúc bằng văn bản có người làm chứng
- C. Di chúc bằng văn bản có công chứng hoặc chứng thực
-  D. Cả a,b,c đều đúng

Câu 61: Diện những người thừa kế theo pháp luật bao gồm:

- A. Những người có tên trong nội dung của di chúc
-  B. Những người có quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, quan hệ nuôi dưỡng với người để lại di sản
- C. Vợ, chồng; cha, mẹ; con; cô, dì, chú, bác của người để lại di sản
- D. Những người có quan hệ huyết thống trong phạm vi ba đời với người để lại di sản

Câu 62: Trình tự, thủ tục giải quyết một vụ án dân sự nói chung là:

-  A. Khởi kiện và thụ lý vụ án – hòa giải và chuẩn bị xét xử – xét xử – thi hành án dân sự
- B. Xét xử sơ thẩm – xét xử phúc thẩm – xét lại bản án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm
- C. Hòa giải – xét xử sơ thẩm – xét xử phúc thẩm
- D. Xét xử sơ thẩm – xét xử phúc thẩm

Câu 63: Chủ thể của tội phạm chỉ có thể là:

- A. Tổ chức
-  B. Cá nhân
- C. Tổ chức và cá nhân
- D. Công dân Việt Nam

Câu 64: Chọn đáp án đúng cho chỗ trống trong câu sau: Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước và do áp dụng

- A. Cơ quan Công an
- B. Viện kiểm sát
-  C. Tòa án
- D. Chủ tịch nước

Câu 65: Hình phạt được quy định trong:

- A. Luật hành chính
-  B. Luật hình sự
- C. Luật dân sự
- D. Cả a,b,c đều đúng

Câu 66: Luật hình sự Việt Nam quy định hình phạt nhằm mục đích:

-  A. Trừng trị người phạm tội và đấu tranh phòng ,chống tội phạm
- B. Trừng trị người phạm tội
- C. Buộc người phạm tội bồi thường thiệt hại đã gây ra
- D. Giáo dục, phòng ngừa chung

Câu 67: Tội phạm trong Bộ Luật hình sự 1999 được chia thành các loại:

-  A. Tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng
- B. Tội nghiêm trọng ít, tội nghiêm trọng nhiều, tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng
- C. Tội ít nghiêm trọng và tội nghiêm trọng
- D. Tội nguy hiểm và tội đặc biệt nguy hiểm

Câu 68: Một người chỉ bị coi là có tội khi:

- A. Bị Tòa án đưa ra xét xử công khai
- B. Bị cơ quan Công an bắt và khám xét theo lệnh
- C. Bị cơ quan Viện kiểm sát ra quyết định truy tố
-  D. Bị Tòa án ra bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật

Câu 69: Độ tuổi tối thiểu phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội là:

-  A. Từ đủ 14 tuổi
- B. Từ đủ 15 tuổi
- C. Từ đủ 16 tuổi
- D. Từ đủ 18 tuổi

Câu 70: Người từ bao nhiêu tuổi phải chịu trách nhiệm về mọi loại tội phạm:

- A. Từ đủ 14 tuổi
- B. Từ đủ 15 tuổi
-  C. Từ đủ 16 tuổi
- D. Từ đủ 17 tuổi

Câu 71: Hệ thống hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam bao gồm:

- A. Hình phạt tù và các hình phạt khác
- B. Các hình phạt chính và các hình phạt phụ
- C. Hình phạt và các biện pháp tư pháp
-  D. Các hình phạt chính và các hình phạt bổ sung

Câu 72: Khi thực hiện hành vi phạm tội thì người từ đủ 14 tuổi đến chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về loại tội phạm:

- A. Ít nghiêm trọng
- B. Nghiêm trọng
-  C. Rất nghiêm trọng do cố ý và đặc biệt nghiêm trọng
- D. Cả a,b,c đều đúng

Câu 73: Hình phạt tù quy định trong Luật hình sự 1999 có thời hạn cao nhất là:

- A. Tù chung thân
- B. Tù hai mươi năm
-  C. Tù ba mươi năm
- D. Tù suốt đời

Câu 74: Thủ tục tố tụng giải quyết một vụ án hình sự là:

-  A. Khởi tố- điều tra- truy tố- xét xử- thi hành án
- B. Điều tra- truy tố- xét xử sơ thẩm- xét xử phúc thẩm
- C. Thụ lý vụ án- điều tra- xét xử- thi hành án
- D. Khởi tố- điều tra- xét xử sơ thẩm- xét xử phúc thẩm

Câu 75: Luật lao động là:

- A. Một chế định luật
-  B. Một ngành luật
- C. Một quy phạm pháp luật
- D. Một quan hệ pháp luật

Câu 76: Bảo hiểm xã hội gồm có các loại:

- A. Bảo hiểm tự nguyện
- B. Bảo hiểm thất nghiệp
- C. Bảo hiểm bắt buộc
-  D. Cả a,b,c đều đúng

Câu 77: Bảo hiểm XH tự nguyện có mấy chế độ?

- A. Ba
- B. Bốn
-  C. Hai
- D. Năm

Câu 78: Nhà nước quy định về bảo hiểm xã hội nhằm mục đích:

- A. Bảo đảm cuộc sống cho người lao động khi họ bị buộc thôi việc
- B. Bảo đảm cuộc sống cho người lao động khi họ chưa có việc làm
- C. Bảo đảm cuộc sống cho người lao động khi thu nhập của họ không đủ chi phí cho gia đình
-  D. Bảo đảm ổn định cuộc sống cho người lao động và gia đình họ khi người lao động gặp rủi ro, ốm đau thai sản...

Câu 79: Độ tuổi tối thiểu được tham gia vào quan hệ pháp luật lao động là:

-  A. Đủ 15 tuổi
- B. Đủ 16 tuổi
- C. Đủ 17 tuổi
- D. Đủ 18 tuổi

Câu 80: Có mấy loại hợp đồng lao động bằng văn bản?

- A. Hai
-  B. Ba
- C. Bốn
- D. Năm

Câu 81: Điều 32 Luật lao động quy định về thời gian thử việc là:

- A. Không được quá 30 ngày đối với lao động chuyên môn kỹ thuật cao
-  B. Không được quá 60 ngày đối với lao động chuyên môn kỹ thuật cao
- C. Không được quá 40 ngày đối với lao động khác
- D. Không được quá 60 ngày đối với lao động khác

Câu 82: Điều 32 Luật lao động quy định về tiền lương của người lao động trong thời gian thử việc là:

-  A. Ít nhất phải bằng 70% mức lương cấp bậc của công việc đó
- B. Ít nhất phải bằng 50% mức lương cấp bậc của công việc đó
- C. Ít nhất phải bằng 60% mức lương cấp bậc của công việc đó
- D. Ít nhất phải bằng 40% mức lương cấp bậc của công việc đó

Câu 83: Người lao động có quyền:

- A. Được hưởng lương theo công sức lao động
- B. Được hưởng các chế độ bảo hiểm theo quy định của pháp luật
- C. Được đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật
-  D. Cả a,b,c đều đúng

Câu 84: Theo quy định của Luật lao động 2002 thì người lao động được nghỉ bao nhiêu ngày lễ, tết trong một năm?

- A. Tám ngày
-  B. Chín ngày
- C. Mười ngày
- D. Nhà nước sẽ quy định số ngày nghỉ cho năm đó

Câu 85: Người lao động có nghĩa vụ:

- A. Chấp hành đúng quy định về an toàn trong lao động
- B. Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng lao động
- C. Tuân theo sự điều động hợp pháp của người sử dụng lao động

 D. Cả a,b,c đều đúng

Câu 86: Nghĩa vụ của người sử dụng lao động:

- A. Thực hiện đúng hợp đồng lao động
- B. Bảo đảm an toàn lao động cho người lao động
- C. Tôn trọng nhân phẩm của người lao động

 D. Cả a,b,c đều đúng

Câu 87: : Nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động là:

- A. Tự nguyện
- B. Thoả thuận
- C. Bình đẳng

 D. Cả a,b,c đều đúng

Câu 88: Điều 165 và 168 Luật lao động quy định cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết tranh chấp lao động là:

- A. Hội đồng hòa giải lao động cơ sở hoặc hòa giải viên lao động
- B. Hội đồng trọng tài lao động
- C. Tòa Án nhân dân; Chủ tịch Ủy Ban nhân dân cấp huyện

 D. Cả a,b,c đều đúng.

Câu 89: Hợp đồng lao động được quy định trong văn bản nào?

- A. Luật dân sự

 B. Luật lao động

- C. Luật doanh nghiệp
- D. Luật thương mại

Câu 90: Vi phạm hành chính là hành vi do:

- A. Cá nhân, tổ chức thực hiện
- B. Xâm phạm các quy tắc quản lí nhà nước
- C. Không phải là tội phạm

 D. Cả a,b,c đều đúng

Câu 91: Người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính là:

- A. Chủ tịch Ủy Ban nhân dân, Công An nhân dân
- B. Tòa án nhân dân, cơ quan Thi hành án dân sự
- C. Cơ quan Thuế, Quản lý thị trường...
-  D. Cả a,b,c đều đúng

Câu 92: Tài sản riêng của vợ, chồng là:

- A. Những tài sản đứng tên riêng của vợ hay chồng
-  B. Tài sản có trước khi kết hôn, được thừa kế riêng, được tặng cho riêng...
- C. Tài sản có được từ thu nhập riêng của vợ hay chồng
- D. Tài sản do vợ hay chồng tự mua sắm bằng tiền lương của mình

Câu 93: Độ tuổi kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân, gia đình là:

- A. Công dân từ 18 tuổi trở lên
-  B. Nữ từ 18 tuổi trở lên, nam từ 20 tuổi trở lên
- C. Nữ từ đủ 18 tuổi, nam từ đủ 20 tuổi
- D. Công dân từ 20 tuổi trở lên

Câu 94: Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nước ta, thì những trường hợp nào sau đây không bị cấm kết hôn:

- A. Người mất năng lực hành vi dân sự;
- B. Giữa những người cùng dòng máu về trực hệ, giữa những người có họ trong phạm vi ba đời;
- C. Giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi, giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi.
-  D. Người đang bị nhiễm HIV/AIDS.

Câu 95: Gia đình là tập hợp những người gắn bó với nhau từ:

- A. Quan hệ hôn nhân
- B. Quan hệ huyết thống
- C. Quan hệ nuôi dưỡng
-  D. Cả a,b,c đều đúng

Câu 96: Nghiên cứu về quyền, nghĩa vụ giữa cha mẹ và các con thì khẳng định nào sau đây là đúng:

- A. Con có bổn phận kính yêu, chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ, lắng nghe lời khuyên bảo của cha mẹ, giữ gìn danh dự, truyền thống tốt đẹp của gia đình;
- B. Con có nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ;
- C. Nghiêm cấm các con có hành vi ngược đãi, hành hạ, xúc phạm cha mẹ;
-  D. Cả a,b,c đều đúng

Câu 97: Việc đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình là:

-  A. Ủy ban nhân dân là cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn
- B. Một trong hai bên kết hôn có thể uỷ quyền đăng ký kết hôn
- C. Quan hệ hôn nhân được xác lập sau khi tổ chức tiệc cưới
- D. Phải đăng ký kết hôn tại Tòa án nơi cư trú của một trong hai bên.

Câu 98: Khi tìm hiểu về quyền và nghĩa vụ giữa cha, mẹ và các con thì khẳng định nào sau đây là đúng:

- A. Cha mẹ phải bồi thường thiệt hại do con gây ra trong mọi trường hợp
- B. Con từ 18 tuổi trở lên mới có quyền tự mình quản lý tài sản riêng
-  C. Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện giữa cha mẹ và các con đối với nhau
- D. Khi con đến 18 tuổi thì mới có nghĩa vụ chăm sóc, phụng dưỡng cha, mẹ

Câu 99: Doanh nghiệp là:

- A. Tổ chức kinh tế
- B. Có tên riêng, có tài sản
- C. Có trụ sở giao dịch ổn định và được đăng ký kinh doanh
-  D. Cả a,b,c đều đúng

Câu 100: Loại hình doanh nghiệp nào sau đây được quy định trong Luật Doanh nghiệp 2005?

- A. Công ty trách nhiệm hữu hạn đa thành viên; Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
- B. Công ty cổ phần; Công ty hợp danh
- C. Doanh nghiệp tư nhân; Nhóm công ty
-  D. Cả a,b,c đều đúng